

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-PT

Ngày 18-01-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Ông Lê Minh Tuấn

Ông Đặng Văn Nhữ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Bùi Thị Cẩm N, sinh năm 1977.

2. Ông Nguyễn Lê H, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ cư trú: số 59/52/24 Đường T, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền ngày 19/11/2021: Ông Trần Trọng H1, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1960.

2. Ông Lâm Đặng Hoàng A, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 22/9 đường V, Phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:*

1. Bà Bùi Thị Cẩm N.

2. Ông Nguyễn Lê H.

Là nguyên đơn.

(Ông H1, bà T và ông A đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm N và ông Nguyễn Lê H do ông Nguyễn Hoàng L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên trước đây bà N và ông H có cho bà Đặng Thị Ngọc T và ông Lâm Đăng Hoàng A vay số tiền 1.400.000.000 đồng, có giấy vay tiền và lập vi bằng về việc vay tiền cụ thể như sau:

Giấy vay tiền ghi ngày 12/9/2018 số tiền vay là 450.000.000 đồng. Ngày 19/11/2018, bà T và ông A vay của bà N và ông H số tiền 150.000.000 đồng ghi bổ sung vào giấy vay tiền ngày 12/9/2018. Tổng cộng là 600.000.000 đồng.

Ngày 12/4/2019, bà T và ông A tiếp tục vay của bà N và ông H số tiền 800.000.000 đồng, việc vay này được Văn phòng thừa phát lại L lập vi bằng số 53/2019/ViB-TPL.LA ngày 12/4/2019.

Sau đó bà N và ông H nhiều lần yêu cầu bà T và ông A trả 1.400.000.000 đồng nhưng bà T và ông A không có tiền trả.

Nay bà N và ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông A trả số tiền vay là 1.400.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Đặng Thị Ngọc T và ông Lâm Đăng Hoàng A thống nhất trình bày:

Bà Đặng Thị Ngọc T có vay tiền của bà Bùi Thị Cẩm N và ông Nguyễn Lê H với lãi suất 7%/tháng, khi vay tiền hai bên không làm giấy, đến ngày 12/8/2018 bà T mới viết giấy vay tiền cho bà N với số tiền là 450.000.000 đồng. Ngày 19/11/2018 bà T vay tiếp của bà N số tiền 150.000.000 đồng tổng cộng là 600.000.000 đồng. Ngày 12/4/2019 tại nhà bà N, ông H có mời Thừa phát lại lập vi bằng, ngày hôm đó bà T vay tiếp ông H 200.000.000 đồng, có Thừa phát lại làm chứng.

Như vậy tổng số tiền bà T vay bà N, ông H trước đó và số tiền bà T vay bà N ông H ngày 12/4/2019 là 800.000.000 đồng. Số tiền lãi bà T trả cho bà N, ông H là 938.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ chứng minh. Trước yêu cầu khởi kiện của bà N, ông H yêu cầu bà T, ông A trả số tiền 1.400.000.000 đồng thì bà T, ông A không đồng ý. Bà T, ông A chỉ đồng ý liên đới trả cho bà N, ông

H số tiền đã vay là 800.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố T đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Bùi Thị Cẩm N, ông Nguyễn Lê H đối với bà Đặng Thị Ngọc T, ông Lâm Đặng Hoàng A.

Buộc bà Đặng Thị Ngọc T, ông Lâm Đặng Hoàng A trả cho bà Bùi Thị Cẩm N, ông Nguyễn Lê H số tiền gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) và tiền lãi là 235.056.000đ (hai trăm ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi sáu ngàn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 1.035.056.000đ (một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi sáu ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 28/10/2021, Tòa án nhân dân thành phố T nhận đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Cẩm N và ông Nguyễn Lê H đề ngày 25/10/2021 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và xác định lại yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bị đơn trả thêm số tiền 600.000.000 đồng trong số tiền vay 800.000.000 đồng mà Văn phòng thừa phát lại L lập vi bằng số 53/2019/ViB-TPL.LA ngày 12/4/2019 cùng số tiền lãi trong hạn là 20%/năm và lãi quá hạn là 30%/năm. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo của các nguyên đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Nguyên đơn bà N và ông H trình bày cho rằng khoản vay ngày 12/4/2019 là 800.000.000 đồng nên yêu cầu bà T ông A hoàn trả lại số tiền vốn gốc là 800.000.000 đồng cùng tiền lãi, tuy nhiên theo lời khai của ông Nguyễn Hoàng L đại diện cho nguyên đơn tại giai đoạn xét xử sơ thẩm thì số tiền cho vay là 800.000.000 đồng nhưng chỉ giao 200.000.000 đồng

tượng trưng, lời khai này phù hợp với lời khai của ông Th là thư ký của Thừa phát lại là khi lập vi bằng các bên chỉ giao nhận 200.000.000 đồng, cùng với 600.000.000 đồng vay trước đó, tổng cộng là 800.000.000 đồng. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản vay ngày 12/4/2019 chỉ có 200.000.000 đồng là có cơ sở. Kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả thêm tiền gốc 600.000.000 đồng là không có căn cứ. Riêng đối với kháng cáo yêu cầu tính lãi với mức lãi suất trong hạn 20%/năm, lãi quá hạn 30%/năm là đúng quy định của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2] Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn trả thêm số tiền 600.000.000 đồng trong số tiền vay 800.000.000 đồng mà Văn phòng thừa phát lại L lập Vi bằng số 53/2019/ViB-TPL.LA ngày 12/4/2019 và khoản lãi theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Khoản vay hai bên tranh chấp 800.000.000 đồng được thể hiện tại các văn bản như sau:

[3.1] Vi bằng số 53/2019/ViB-TPL.LA ngày 12/4/2019 do Văn phòng thừa phát lại L lập, trong Vi bằng thể hiện:

“Thừa phát lại ghi nhận ông Lâm Đặng Hoàng A, bà Đặng Thị Ngọc T cùng ông Nguyễn Lê H có tiến hành làm việc theo thỏa thuận cho vay giữa các bên trước đó. Sau đó, ông Nguyễn Lê H có giao cho bà Đặng Thị Ngọc T một số tiền. Sau khi kiểm đếm, bà T xác nhận đã nhận đủ số tiền vay là 800 triệu đồng. Kết thúc buổi làm việc các bên đã giao cho Thừa phát lại “Biên bản làm việc đề ngày 12/4/2019” giữa các bên để đính kèm vi bằng này”.

[3.2] Biên bản làm việc lập ngày 12/4/2019 giữa bên vay là ông A, bà T với bên cho vay là ông H. Nội dung trong biên bản làm việc thể hiện: ông H đồng ý cho ông A, bà T vay 800.000.000 đồng để thanh toán tiền mua 02 nền đất tại Khu dân cư ADC thuộc Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An, thời hạn vay tính kể từ ngày ký biên bản này (ngày nhận số tiền vay) – ngày 12/4/2019 đến ngày 12/4/2020; cuối biên bản làm việc bà T và ông A ghi chúng tôi đã nhận đủ số tiền là 800.000.000 đồng và cùng ký tên.

[4] Như vậy, với các chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định ông A, bà T có vay và đã nhận của ông H số tiền 800.000.000 đồng vào ngày 12/4/2019 như lời trình bày của nguyên đơn.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm xác định vào ngày 12/4/2019 ông H chỉ cho bà T, ông A vay 200.000.000 đồng với căn cứ như sau:

[5.1] Lời khai của ông Trần Văn Th ghi tại Bản tường trình xác nhận nội dung sự việc ngày 30/9/2021 có nội dung: Vào ngày 12/4/2019 tại nhà ông H, ông Th chứng kiến và ghi biên bản làm việc giữa hai bên và thấy ông H có giao cho bà T 200.000.000 đồng. Còn biên bản làm việc ghi số tiền 800.000.000 đồng là bao gồm 200.000.000 đồng bà T vừa nhận và 600.000.000 đồng bà T đã nhận theo thỏa thuận trước đó với ông H.

[5.2] Lời khai tại phiên tòa của người đại diện của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng L có nội dung: Ngày 12/4/2019 bị đơn vay 800.000.000 đồng nhưng khi lập Vi bằng chỉ đưa 200.000.000 đồng lên tượng trưng để chụp ảnh lập vi bằng, còn số tiền 600.000.000 đồng giao trước đó ở đâu vào thời điểm nào thì ông L không biết và cho rằng việc giao 600.000.000 đồng chỉ có hai bên không có người làm chứng, cũng không lập giấy biên nhận.

[5.3] Từ đó bản án sơ thẩm nhận định vào ngày 12/4/2019 ông H chỉ cho bị đơn vay 200.000.000 đồng là không có căn cứ. Bởi lẽ:

[5.4] Theo nội dung trong lời khai của ông L, ông L vẫn xác nhận ngày 12/4/2019 bị đơn vay của nguyên đơn 800.000.000 đồng, không phải chỉ vay 200.000.000 đồng và ngày 15/11/2021 ông L có Đơn xác nhận lời khai khẳng định rằng ông không khai như bản án sơ thẩm trích dẫn lời khai của ông L. Về lời khai của ông Th thì trong Vi bằng và Biên bản làm việc ngày 12/4/2019 thể hiện nhiều nội dung về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích vay, lãi suất vay, phương thức thanh toán, các giao kết khác của hai bên, ... nhưng không có nội dung nào thể hiện số tiền vay 800.000.000 đồng là bao gồm 600 triệu đồng đã giao theo các thỏa thuận trước đó và 200.000.000 đồng giao tại buổi lập biên bản làm việc như ông Th khai. Tại văn bản số 56/2021/PĐ-TPL.LA ngày 29/9/2021 của Văn phòng thừa phát lại L do ông Lê Tấn Phát là Trưởng Văn phòng ký thể hiện: *“Sau khi hai bên xác lập “Biên bản làm việc” ngày 12/04/2019” nêu trên thì ông Nguyễn Lê H có giao cho bà Đặng Thị Ngọc T một số tiền. Sau khi kiểm đếm, bà Đặng Thị Ngọc T xác nhận đã nhận đủ số tiền vay 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng từ ông Nguyễn Lê H giao”*. Do đó, lời khai của ông Th nêu trên là không phù hợp với nội dung của Vi bằng ngày 12/4/2019 và Biên bản làm việc lập ngày 12/4/2019 mà 02 văn bản này do chính ông A, bà T cùng ông H là người tham gia giao dịch vay tiền ký xác nhận, không phù hợp với văn bản số 56/2021/PĐ-TPL.LA ngày 29/9/2021 của Văn phòng thừa phát lại L. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của ông Th để cho rằng vào ngày 12/4/2019 nguyên đơn chỉ cho bị đơn vay 200.000.000 đồng trong khi 02 văn bản trên đã phản ánh có việc cho vay 800.000.000 đồng là không phù hợp.

[6] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo đó bà T, ông A phải trả cho ông H

và bà N 800.000.000 đồng (trả thêm 600.000.000 đồng) theo Vi bằng ngày 12/4/2019 và Biên bản làm việc lập ngày 12/4/2019.

[7] Về số tiền lãi của khoản tiền 800.000.000 đồng: Do các bên không thống nhất về lãi suất và tại cấp sơ thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, không yêu cầu mức lãi suất và số tiền lãi cụ thể nên không chấp nhận kháng cáo về việc yêu cầu tính lãi trong hạn là 20%/năm và lãi quá hạn là 30%/năm. Do đó áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi, số tiền lãi từ ngày vay 12/4/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/10/2021 là 200.222.222 đồng ($800.000.000đ \times (10\%:12) \times 30$ tháng 1 ngày).

[8] Cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính tiền lãi của số tiền vay 600.000 đồng (gồm 450.000.000đ vay ngày 12/8/2018 và 150.000.000đ vay ngày 19/11/2018) thành tiền lãi 185.256.000 đồng (gồm 141.930.000đ + 43.326.000đ) là phù hợp nên cần giữ nguyên như án sơ thẩm.

[9] Như vậy, bị đơn phải trả tổng cộng cho nguyên đơn là 1.785.478.222 đồng gồm 1.400.000.000 đồng tiền gốc và 385.478.222đ tiền lãi.

[10] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ phúc thẩm. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 64.511.667 đồng, ông A và bà T mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ là 32.255.833 đồng, bà T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của ông bà Bùi Thị Cẩm N, ông Nguyễn Lê H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Căn cứ các Điều 5, 26, 37, 39, 147, 148, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, 12, 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Cẩm N, ông Nguyễn Lê H đối với bà Đặng Thị Ngọc T, ông Lâm Đặng Hoàng A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Đặng Thị Ngọc T, ông Lâm Đặng Hoàng A phải liên đới trả cho bà Bùi Thị Cẩm N, ông Nguyễn Lê H số tiền là 1.785.478.222 đồng (1.400.000.000đ tiền gốc và 385.478.222đ tiền lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Đặng Thị Ngọc T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Lâm Đăng Hoàng A phải chịu 32.782.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Bùi Thị Cẩm N, ông Nguyễn Lê H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông H và bà N số tiền tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 27.300.000đ theo biên lai thu số 0005435 ngày 22/9/2021 và biên lai thu số 0005170 ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T.
- Bà Bùi Thị Cẩm N, ông Nguyễn Lê H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho ông H và bà N số tiền tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001053, số 0001054 cùng ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc